

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Vết Lức và bà Đào Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát Viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về Vệc Ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị V, sinh năm 1982

- *Bị đơn:* Anh Mai Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt: Chị V, vắng mặt: Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2022, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hà Thị V trình bày: Chị và anh Mai Văn T chung sống với nhau từ cuối năm 2016 và sinh được một con chung là cháu Mai Văn Đ. Đến năm 2020, chị và anh T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 30 tháng 7 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên chửi bới, đe dọa chém chị và gia đình chị. Ngoài ra còn chơi bời, không chia sẻ, giúp đỡ vợ mà còn hành hung, đánh đập vợ. Gia đình 2 bên đã hòa giải khuyên bảo nhiều lần nhưng tình vợ chồng không cải thiện được, ngày càng trầm trọng hơn. Chị V xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện S giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Mai Văn Đ sinh ngày 20/3/2018. Hiện nay, chị đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu, cháu khỏe

manh, phát triển tốt. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị bán hàng thịt ở chợ Sim xã Hợp Thành thu nhập 20.000.000đ/tháng. Chị có sức khỏe tốt, có công Việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con. Sau khi ly hôn, chị ở nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện S. Bố mẹ chị tạo điều kiện về nơi ở và chăm sóc, đưa đón cháu đi học trong thời gian chị đi làm.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 06/01/2023, bị đơn là anh Mai Văn T trình bày và đề nghị: Anh và chị Hà Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 30 tháng 7 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, sau đó chị V mua bảo hiểm không bàn với anh dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Chị V xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung: Cháu Mai Văn Đ sinh ngày 20/3/2018. Anh T không có ý kiến gì về con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có ý kiến.

3. Biên bản xác minh ngày 16/12/2022, đại diện chính quyền UBND xã T, huyện S cung cấp: Anh T và chị V đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau và xô xát. Chị V và anh T có 01 con chung: Cháu Mai Văn Đ sinh ngày 20/3/2018, cháu đang ở cùng bố mẹ. Cháu khỏe mạnh, được đi học. không bị bạo hành. Chị V làm nghề bán thịt lợn ở chợ S, có thu nhập, có sức khỏe, đủ điều kiện nuôi con. Anh T làm nghề tự do, có sức khỏe, có khả năng lao động tạo ra thu nhập, có điều kiện nuôi con. Chị V và anh T không có V phạm pháp luật.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51,56,81,82,83 LHNGĐ: Xử cho chị Hà Thị V được ly hôn anh Mai Văn T. Về con chung giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Văn Đ sinh ngày 20/3/2018. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét. Chị V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị V khởi kiện xin ly hôn anh T cư trú tại xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng tại phiên họp, phiên tòa, anh T đều vắng mặt không có lý do. HĐXX phải ra

quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Phiên tòa mở lại lần thứ hai, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Hà Thị V và anh Mai Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 30 tháng 7 năm 2020 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, sống không có tình cảm, hay xô xát. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, xử cho chị V được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Mai Văn Đ sinh ngày 20/3/2018.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của chị V: Chị V có sức khỏe, có công Việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Mặt khác, cháu Đ còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cháu Đ cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xét.

Anh T không có ý kiến về phần con, không chứng minh các điều kiện nuôi con nên HĐXX không xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng Việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị V không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xử cho chị Hà Thị V được ly hôn anh Mai Văn T.

2. Về con chung: Chị V và anh T có 01 con chung: Cháu Mai Văn Đ sinh ngày 20/3/2018. Giao cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng Việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị V phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0016734 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Chị V đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

